

Bản án số: 79/2026/DS - ST

Ngày 12 – 5 – 2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng ông Nguyễn Hoàng
Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 1 - Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên
tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thảo – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk
Lắk, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
596/2025/TLST – DS ngày 21 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2026/QĐXXST- DS ngày 03
tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2026/QĐST – DS ngày
21 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: B - B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Minh T – Chức vụ: Chuyên
viên khách hàng – Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ – Phòng G (Theo giấy ủy
quyền số 172/2025/GUQ ngày 03 tháng 12 năm 2025); có mặt.

Địa chỉ: Số C L, phường E, tỉnh Đắk Lắk

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh N; vắng mặt

Địa chỉ: A L, phường B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/09/2021, ông Nguyễn Thanh N có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ – Phòng G1 (nay là Phòng G) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cùng bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thông tin của ông Nguyễn Thanh N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Thanh N đã thực hiện các giao dịch với tổng tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 04/9/2025 là: 64.129.351 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Thanh N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, ông Nguyễn Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của S1).

Do đó, đề bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Nguyễn Thanh N phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền (tạm tính đến ngày 11/5/2026) là: 74.925.493 đồng, trong đó:

- + Dư nợ chuyển quá hạn: 31.350.703 đồng;
- + Lãi trong hạn: 29.049.860 đồng;
- + Lãi quá hạn: 14.524.930 đồng.

Kể từ ngày 12/5/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản vay, ông Nguyễn Thanh N còn phải tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh trên số dư nợ chuyển quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thanh N, tuy nhiên, ông N không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai hay văn bản nêu ý kiến

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Thanh N phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là lãi tạm tính đến ngày 11/5/2026 là 74.925.493 đồng, trong đó:

+ Dư nợ chuyển quá hạn: 31.350.703 đồng;

+ Lãi trong hạn: 29.049.860 đồng;

+ Lãi quá hạn: 14.524.930 đồng.

Kể từ ngày 12/5/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản vay, ông Nguyễn Thanh N còn phải tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh trên số dư nợ chuyển quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

- Về án phí: Ông Nguyễn Thanh N phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Thanh N nên đây là tranh chấp giữa pháp nhân với cá nhân không có mục đích kinh doanh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Thanh N có địa chỉ cư trú tại số A L, phường B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Thanh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2]. Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối

những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường B, tỉnh Đắk Lắk, kết quả thể hiện: Ông Nguyễn Thanh N có đăng ký hộ khẩu thường trú và có sinh sống tại địa chỉ: A L, phường B, tỉnh Đắk Lắk, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thanh N tại địa chỉ nói trên nhưng ông N vắng mặt, không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3]. Về nội dung:

Ngày 28/09/2021, ông Nguyễn Thanh N đã xác lập với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ: 472074 – 5318 với hạn mức sử dụng là: 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình sử dụng thẻ đến ngày 10/5/2023, ông Nguyễn Thanh N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết là vi phạm hợp đồng, vi phạm Điều 24 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông N và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/09/2021 giữa ông Nguyễn Thanh N với Ngân hàng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, các bên tự nguyện giao kết nên có hiệu lực thi hành. Ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và phù hợp bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Về lãi: Lãi, lãi suất chậm trả theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/9/2021 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Thanh N là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất nên các thỏa thuận về lãi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 11/5/2026, ông Nguyễn Thanh N còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền là 74.925.493 đồng, trong đó: Dư nợ chuyển quá hạn: 31.350.703 đồng; Lãi trong hạn: 29.049.860 đồng; Lãi quá hạn: 14.524.930 đồng. Do đó

ông Nguyễn Thanh N phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền trên và tiền lãi phát sinh theo như thỏa thuận đã ký kết cho đến khi hết nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức: 74.925.493 đồng x 5% = 3.746.000 đồng (làm tròn số)

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Nguyễn Thanh N1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền (tạm tính đến ngày 11/5/2026) là: 74.925.493 đồng, trong đó:

+ Dư nợ chuyển quá hạn: 31.350.703 đồng;

+ Lãi trong hạn: 29.049.860 đồng;

+ Lãi quá hạn: 14.524.930 đồng.

Kể từ ngày 12/5/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản vay, ông Nguyễn Thanh N còn phải tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh trên số dư nợ chuyển quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký ngày 28/9/2021.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh N phải chịu 3.746.000 đồng (làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 1.603.000 tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do ông Trần Đình D nộp thay theo Biên lai số 0004383 ngày 12 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Hương Giang